



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ I NĂM 2026

HÀ NỘI

THÁNG 04 NĂM 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số TM	31/03/2026	01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.290.571.998.681	1.247.352.677.019
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110 V.1	52.914.746.083	172.798.727.693
1. Tiền	111	52.914.746.083	172.798.727.693
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	191.012.693.179	208.794.460.816
1. Chứng khoán kinh doanh	121 V.2a	-	40.007.603.253
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123 V.2b	191.012.693.179	168.786.857.563
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	555.954.035.561	424.004.899.635
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131 V.3	399.786.882.519	400.214.476.041
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132 V.4	135.653.992.116	3.754.954.683
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135 V.5	20.513.160.926	20.035.468.911
IV. Hàng tồn kho	140	457.720.342.651	419.874.579.421
1. Hàng tồn kho	141 V.6	457.720.342.651	419.874.579.421
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150	-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160	32.970.181.207	21.880.009.454
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161 V.7a	11.683.650.678	5.442.330.303
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	21.286.530.529	16.437.679.151
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số TM	31/03/2026	01/01/2026
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	333.461.174.936	319.543.874.104
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	146.300.415.124	149.911.460.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221 V.10	96.089.630.538	98.388.432.061
- Nguyên giá	222	122.687.345.948	122.296.575.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(26.597.715.410)	(23.908.143.495)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227 V.9	50.210.784.586	51.523.028.717
- Nguyên giá	228	63.601.780.448	63.601.780.448
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(13.390.995.862)	(12.078.751.731)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230	-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	-	-
- Nguyên giá	241	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	19.207.578.912	1.220.400.304
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252 V.8	19.207.578.912	1.220.400.304
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	158.500.000.000	158.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261 V.2c	158.500.000.000	158.500.000.000
VII. Tài sản dài hạn khác	270	9.453.180.900	9.912.013.022
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271 V.7b	9.453.180.900	9.912.013.022
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280	1.624.033.173.617	1.566.896.551.123

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

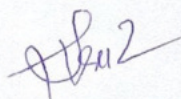
NGUỒN VỐN	Mã số TM	31/03/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	693.181.364.936	644.412.077.364
I. Nợ ngắn hạn	310	693.181.364.936	644.412.077.364
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.11	56.666.615.190	20.133.910.180
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.12	7.618.243.007	5.306.588.619
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314 V.13	2.061.699.941	7.039.049.652
5. Phải trả người lao động	315	3.147.429.832	4.836.116.434
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316 V.14	4.220.736.709	3.167.496.940
7. Phải trả ngắn hạn khác	320 V.15	289.264.990	169.842.830
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321 V.16	619.177.375.267	603.759.072.709
II. Nợ dài hạn	330	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400 V.17	930.851.808.681	922.484.473.759
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	650.000.000.000	650.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	650.000.000.000	650.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn	412	149.620.950.000	149.620.950.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	131.230.858.681	122.863.523.759
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	122.863.523.759	78.753.154.971
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b	8.367.334.922	44.110.368.788
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.624.033.173.617	1.566.896.551.123

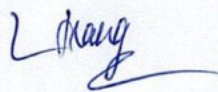
Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Đinh Thị Quỳnh Trang

Phạm Thị Trang

Trương Đức Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026*

Mẫu số B 02a – DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	734.549.745.108	676.614.937.868	734.549.745.108	676.614.937.868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.486.879.505	1.209.506.679	9.486.879.505	1.209.506.679
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	725.062.865.603	675.405.431.189	725.062.865.603	675.405.431.189
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	680.930.472.191	643.343.265.037	680.930.472.191	643.343.265.037
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		44.132.393.412	32.062.166.152	44.132.393.412	32.062.166.152
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	2.603.294.340	1.838.559.867	2.603.294.340	1.838.559.867
8. Chi phí tài chính	23	VI.6	8.578.345.791	10.462.811.331	8.578.345.791	10.462.811.331
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24		7.965.097.244	10.019.687.559	7.965.097.244	10.019.687.559
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	19.996.076.362	9.857.278.042	19.996.076.362	9.857.278.042
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	7.739.191.113	7.619.708.785	7.739.191.113	7.619.708.785
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 - 23 - 25 - 26)	30		10.422.074.486	5.960.927.861	10.422.074.486	5.960.927.861
12. Thu nhập khác	31	VI.9	92.851.595	18.554.219	92.851.595	18.554.219
13. Chi phí khác	32	VI.10	3.993.517	245.915.786	3.993.517	245.915.786
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		88.858.078	(227.361.567)	88.858.078	(227.361.567)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Mẫu số B 02a – DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.510.932.564	5.733.566.294	10.510.932.564	5.733.566.294
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.11	2.143.597.642	1.468.948.571	2.143.597.642	1.468.948.571
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.367.334.922	4.264.617.723	8.367.334.922	4.264.617.723

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Đinh Thị Quỳnh Trang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Trang

Tổng Giám đốc



Trương Đức Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến ngày 31/3/2026

Mẫu số B 03a – DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.510.932.564	5.733.566.294
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.001.816.046	3.738.981.049
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(22.508.935)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(2.422.104.489)	(1.838.559.867)
- Chi phí đi vay	06 VI.6	7.965.097.244	10.019.687.559
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.033.232.430	17.653.675.035
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(136.751.327.553)	126.775.556.335
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(37.845.763.230)	(306.233.079.882)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	39.889.228.152	32.339.125.148
- Tăng (-), giảm (+) chi phí chờ phân bổ	12	(5.782.488.253)	(2.868.589.256)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13	40.007.603.253	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	(8.270.992.492)	(10.761.825.742)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13	(7.091.383.203)	(2.348.536.436)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(95.811.890.896)	(145.443.674.798)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.131.225.107)	(530.250.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	171.617.117	69.751.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.959.607.990)	(460.499.092)

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ kế toán từ 01/01/2026 đến ngày 31/3/2026

Mẫu số B 03a – DN

Đơn vị tính: VND

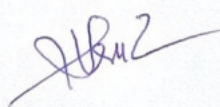
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG			
TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	414.579.955.556	380.525.994.049
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(398.692.939.220)	(289.610.208.486)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.887.016.336	90.915.785.563
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50	(119.884.482.550)	(54.988.388.327)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	172.798.727.693	63.731.105.468
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	500.940	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 V.1	52.914.746.083	8.742.717.141

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Đinh Thị Quỳnh Trang

Phạm Thị Trang

Trương Đức Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Mẫu số B 09 – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Khái quát về Công ty:**

Công ty Cổ phần Lương thực A An được thành lập vào ngày 27/01/2021 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109510866; đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 25/12/2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh và Tài chính Doanh nghiệp – Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 07: 650.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2026: 650.000.000.000 VND.

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 1900 6869

Mã số thuế : 0 1 0 9 5 1 0 8 6 6

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, Thương mại

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Xuất khẩu gạo.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. **Cấu trúc công ty:**

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Đồng Tháp	Đường ven Sông Hậu, ấp An Ninh, Xã Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất, bán buôn, bán lẻ gạo và hoạt động xay xát

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng	Số 494 Ấp Tân Quới, Xã Thanh Đông, Tỉnh An Giang, Việt Nam	Buôn bán thực phẩm, xay xát và sản xuất bột thô.	99%	99%
Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza	Ấp Giồng Cát, xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang, Việt Nam	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	100%	100%

Hiện các công ty con đang hoạt động bình thường.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính đang có hiệu lực thi hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá
Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Các loại tỷ giá hối đoái và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong năm được Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá quy định trên hợp đồng mua bán ngoại tệ.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản (đối với các khoản tiền gửi) hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch (đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ còn lại) công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận trực tiếp vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng tồn thất tương ứng với phần giá trị bị suy giảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh liên quan đến sản phẩm chưa hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

7. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc phân bổ các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (472 tháng).

Chi phí chờ phân bổ khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐHH) được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐHH bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để nó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này làm tăng năng lực, tăng công suất, giảm chi phí hoạt động hoặc kéo dài thời gian sử dụng cho TSCĐ. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài TSCĐHH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập khác hoặc chi phí khác trong năm.

TSCĐHH được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại TSCĐHH như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 40
Máy móc và thiết bị	4 – 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 9
Thiết bị, dụng cụ quản lý	7 – 8

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình (TSCĐVH) được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐVH bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐVH tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng làm cho TSCĐVH tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu;
- Chi phí được xác định một cách chắc chắn và gắn liền với TSCĐ vô hình cụ thể gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

TSCĐ vô hình của Công ty là:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng đến ngày 07/01/2061 tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 55 xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; diện tích 31.868 m². Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất này tại đơn vị là 450 tháng.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng đến ngày 02/01/2058 tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 1 xã Hội An, tỉnh An Giang; diện tích 7.672 m². Thời gian khấu hao quyền sử dụng đất này tại đơn vị là 412 tháng.
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 48 Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N1, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội; diện tích: 2.088 m²; hình thức sử dụng: Sử dụng chung của các chủ sở hữu căn hộ chung cư, công trình xây dựng khác.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

Kiểu dáng công nghiệp

Là khoản chi phí thuê ngoài thiết kế bao bì sản phẩm, được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, đăng ký quyền sử dụng tài sản, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và chưa được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp theo mệnh giá cổ phiếu của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá sau khi trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi và doanh thu hoạt động tài chính khác của Công ty, cụ thể:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán kinh doanh;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc lãi khi đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, Công ty sẽ loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; lãi vay, chi phí thuê tài sản sử dụng làm tài sản đảm bảo khoản vay; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý Công ty

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân sự bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng...

Chi phí quản lý Công ty phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý công ty; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

- Đối với hoạt động chế biến từ lúa thành gạo thành phẩm:
 - + Tại địa bàn ưu đãi đầu tư: 10%
 - + Các địa bàn khác: 15%
- Đối với hoạt động thương mại gạo và các hoạt động khác: 20%

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2026	01/01/2026
Tiền	52.914.746.083	172.798.727.693
Tiền mặt	7.113.558.148	1.230.462.111
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.801.187.935	171.568.265.582
Cộng	52.914.746.083	172.798.727.693

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng chỉ tiền gửi (*)	-	-	40.007.603.253	40.007.603.253
Cộng	-	-	40.007.603.253	40.007.603.253

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

(*) Chứng khoán kinh doanh là các chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam có kỳ hạn từ 08/12/2025 đến 08/06/2027, được mua ngày 09/12/2025 từ Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV theo Hợp đồng mua bán số 09122025/BIDM5171.

Ngày 08/01/2026, Công ty đã bán toàn bộ các chứng chỉ tiền gửi nêu trên cho Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV theo Hợp đồng số 09122025/BIDB5171-1, với trị giá hợp đồng là 40.172.018.061 đồng.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	191.012.693.179	191.012.693.179	168.786.857.563	168.786.857.563
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	186.000.000.000	186.000.000.000	166.000.000.000	166.000.000.000
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	5.012.693.179	5.012.693.179	2.786.857.563	2.786.857.563
Cộng	191.012.693.179	191.012.693.179	168.786.857.563	168.786.857.563

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 9 tháng đến 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,5% - 7,8%/năm tại các ngân hàng:

- + Ngân hàng TMCP Quân đội: 74.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội: 61.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam: 20.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam: 15.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN: 10.000.000.000 VND;
- + Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: 6.000.000.000 VND.

c) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	158.500.000.000	158.500.000.000	158.500.000.000	158.500.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng (1)	148.500.000.000	148.500.000.000	148.500.000.000	148.500.000.000
Công ty TNHH Dầu gạo A An - ORYZA (2)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng số tiền 148.500.000.000 đồng tương đương 99% vốn điều lệ của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801581566 thay đổi lần thứ 09 ngày 25 tháng 11 năm 2024 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) cấp, tổng vốn điều lệ là 150.000.000.000 VND.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza số tiền 10.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1602184250 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 07 năm 2024 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2026	01/01/2026
AWTC GMBH	5.527.139.455	-
Công ty TNHH Hiệp Tài	7.277.230.250	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	9.932.039.839	22.734.482.099
Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam	36.459.401.500	35.903.784.000
Công ty Cổ phần Gạo Vì Dân	6.486.480.000	50.618.000.000
Công ty CP Chế biến nông sản Thanh Hưng	21.960.000.000	-
Công ty TNHH Bia Carlsberg Việt Nam	29.481.510.645	28.247.329.530
Công ty CP Thương mại tổng hợp Wincommerce	6.499.591.029	-
Công ty TNHH Lương thực Cờ Đỏ	48.042.578.500	66.980.141.500
Công ty Cổ phần Gạo Hạnh phúc	183.962.753.750	1.017.713.750
Công ty TNHH Lương thực Thiện Đức	-	49.240.000.000
Các khách hàng khác	44.158.157.551	145.473.025.162
Cộng	399.786.882.519	400.214.476.041

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
Công ty CP Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Gạo Việt	52.848.910.000	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Kiến Nông	26.679.000.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Đông	4.122.300.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Nông Thuận Phát	5.367.600.000	835.800.000
Hợp tác xã Nông nghiệp Hiệp Lợi	3.878.850.000	-
Công ty Cổ phần Lương Thực Vinarice Việt Nam	16.987.958.895	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Sơn Hòa	6.058.830.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Dịch vụ và Du lịch Tân Thanh	1.830.900.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Phước Nhân	2.680.200.000	-
Hợp tác xã Dịch vụ Phú Nông Xanh	2.687.100.000	-
Hợp tác xã Nông nghiệp Phú Thuận - Thoại Sơn	1.442.760.000	-
Các nhà cung cấp khác	11.069.583.221	2.919.154.683
Cộng	135.653.992.116	3.754.954.683

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

5. Phải thu khác

	31/03/2026	01/01/2026
Tạm ứng cho CBCNV	51.067.247	444.576
Ký cược, ký quỹ	20.445.252.000	20.021.700.000
- Công ty Cổ Phần CBOT Việt Nam (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	444.152.000	21.000.000
- Đặt cọc thẻ gửi xe	1.100.000	700.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	16.841.679	13.324.335
Cộng	20.513.160.926	20.035.468.911

(*) Công ty đặt cọc cho Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam theo Hợp đồng Thuê tài sản số 2024104/HĐTVP/CB-AAN/2024 ký ngày 1/4/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 20241511/HĐTVP/CB-AAN/2024 ký ngày 15/11/2024, Phụ lục Hợp đồng số 20251512/HĐTVP/CB-AAN/2025 ký ngày 15/3/2025 và Phụ lục Hợp đồng số 20261203/HĐTVP/CB-AAN/2026 ký ngày 12/3/2026 để thuê toàn bộ mặt bằng, tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 145/18 Nguyễn Văn Hưởng, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh để làm tài sản đảm bảo cho việc huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà. Số tiền đặt cọc: 20.000.000.000 VND, thời hạn thuê được gia hạn đến ngày 31/3/2027.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	126.086.322.697	-	39.387.647.273	-
Công cụ, dụng cụ	15.168.347.634	-	15.177.956.590	-
Thành phẩm	227.920.860.692	-	304.317.389.433	-
Hàng hóa	88.544.811.628	-	60.991.586.125	-
Cộng	457.720.342.651	-	419.874.579.421	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

7. Chi phí trả trước

	31/03/2026	01/01/2026
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	11.683.650.678	5.442.330.303
Công cụ, dụng cụ	132.441.673	194.776.000
Chi phí thuê mặt bằng	420.839.111	68.444.445
Chi phí phần mềm quản lý, lưu trữ dữ liệu	2.922.563.397	939.355.064
Phí đánh giá chứng nhận tiêu chuẩn Organic	650.062.168	901.723.142
Chi phí quảng cáo	5.948.032.812	2.885.414.400
Chi phí sửa chữa tài sản	54.513.078	141.191.965
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.555.198.439	311.425.287
b. Chi phí trả trước dài hạn	9.453.180.900	9.912.013.022
Quyền sử dụng đất	6.117.694.051	6.159.311.017
Chi phí tư vấn quản trị doanh nghiệp	1.862.083.332	2.167.249.999
Chi phí sửa chữa, bảo trì tài sản	1.058.522.624	1.306.916.478
Công cụ, dụng cụ	380.566.845	196.364.013
Các chi phí trả trước dài hạn khác	34.314.048	82.171.515

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2026	01/01/2026
- Dự án nghiên cứu phát triển giống lúa mới	942.026.066	879.629.912
- Hệ thống xử lý nước thải và kho chứa hóa chất nguy hại	-	340.770.392
- Chi phí mua sắm TSCĐ và BĐS đầu tư	18.265.552.846	-
Chi phí mua QSDĐ (diện tích 31.527,6 m2, mục đích sử dụng đất: Đất SKC) và tài sản trên đất tại xã Vĩnh Gia, An Giang	17.507.910.184	-
Chi phí mua các tài sản khác	757.642.662	-
Cộng	19.207.578.912	1.220.400.304

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Kiểu dáng công nghiệp	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	39.072.140.448	480.000.000	24.049.640.000	63.601.780.448
<i>Mua trong năm</i>	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	39.072.140.448	480.000.000	24.049.640.000	63.601.780.448
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.643.023.477	54.857.143	9.380.871.111	12.078.751.731
<i>Khấu hao trong năm</i>	270.957.941	41.142.857	1.000.143.333	1.312.244.131
Số dư cuối kỳ	2.913.981.418	96.000.000	10.381.014.444	13.390.995.862
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	36.429.116.971	425.142.857	14.668.768.889	51.523.028.717
Số dư cuối kỳ	36.158.159.030	384.000.000	13.668.625.556	50.210.784.586

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	62.883.079.980	54.221.997.474	4.973.734.056	217.764.046	122.296.575.556
Mua trong năm	-	50.000.000	-	-	50.000.000
Đầu tư xây dựng hoàn thành	340.770.392	-	-	-	340.770.392
Số dư cuối kì	63.223.850.372	54.271.997.474	4.973.734.056	217.764.046	122.687.345.948
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.440.579.231	13.716.205.954	2.664.302.120	87.056.190	23.908.143.495
Khấu hao trong năm	846.502.438	1.604.106.746	230.382.546	8.580.185	2.689.571.915
Số dư cuối kì	8.287.081.669	15.320.312.700	2.894.684.666	95.636.375	26.597.715.410
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	55.442.500.749	40.505.791.520	2.309.431.936	130.707.856	98.388.432.061
Số dư cuối kì	54.936.768.703	38.951.684.774	2.079.049.390	122.127.671	96.089.630.538

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
Công ty CP Công nghệ Thông tin Truyền thông Thiên Hy Long Việt Nam	1.207.643.904	-
Công ty Cổ phần Trung Đông	1.034.229.255	65.036.304
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại In ấn bao bì Bách Sinh - Long An	2.604.509.414	1.674.570.110
Công ty CP Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Gạo Việt	31.177.470.000	-
Công ty TNHH Gạo Ngọc Phú	1.052.926.610	-
Công ty TNHH Xay xát Ngọc Điệp	1.710.000.000	-
Công ty CP CBOT Việt Nam	1.944.000.000	-
Công ty TNHH TDI APJ Việt Nam	2.167.553.590	-
Công ty Cổ phần Lương thực Vinarice Việt Nam	-	8.390.418.917
Các nhà cung cấp khác	13.768.282.417	10.003.884.849
Cộng	56.666.615.190	20.133.910.180

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
SUREWAVE INTERNATIONAL GROUP (HONG KONG) CO., LTD	1.493.629.802	-
NEXT INTERNATIONAL INC	524.315.024	-
77 EMERALD INDUSTRIES INC	1.252.926.792	-
KATO CO., LTD	539.786.592	82.009.934
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Minh	951.507.850	910.000.000
Công ty CP Tập đoàn HT HANYU	718.390.000	-
Các khách hàng khác	2.137.686.947	4.314.578.685
Cộng	7.618.243.007	5.306.588.619

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2026	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.983.622.095	2.143.597.642	7.091.383.203	2.035.836.534
Thuế thu nhập cá nhân	55.427.557	76.980.126	114.640.276	17.767.407
Các loại thuế khác	-	83.535.547	75.439.547	8.096.000
Cộng	7.039.049.652	2.304.113.315	7.281.463.026	2.061.699.941

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

- | | |
|--|--|
| - Sản phẩm cây trồng chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường và các phụ phẩm phát sinh trong quá trình sơ chế bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại | Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT |
| - Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chưa qua chế biến hoặc sơ chế bán cho hộ, cá nhân kinh doanh và các cá nhân, tổ chức khác | 5% |
| - Hàng hóa, dịch vụ khác | 8%; 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với mức thuế suất áp dụng từ 15% - 20% theo từng hoạt động tại từng địa bàn.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
Trích trước chi phí vận chuyển	2.434.610.886	516.098.739
Trích trước chi phí thuê tài sản, kho bãi	162.500.001	1.358.395.309
Trích trước chi phí lãi vay	677.475.802	514.657.272
Chi phí kiểm toán	-	250.000.000
Trích trước chi phí điện	487.890.734	102.427.418
Trích trước chi phí thuê gia công	162.000.000	-
Các khoản trích trước khác	296.259.286	425.918.202
Cộng	4.220.736.709	3.167.496.940

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2026	01/01/2026
Kinh phí công đoàn	154.971.080	151.161.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	134.293.910	18.681.750
Cộng	289.264.990	169.842.830

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Là các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng có kỳ hạn vay từ 04 – 06 tháng, lãi suất dao động từ 5,5% - 9%/năm, chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn ngân hàng	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Sở Giao Dịch	21.620.647.805	21.620.647.805	26.086.293.787	26.086.293.787
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà; trong đó:	472.989.224.084	472.989.224.084	377.022.403.778	377.022.403.778
- Nợ gốc vay	473.457.937.862	473.457.937.862	377.022.403.778	377.022.403.778
- Chi phí đi vay (ngoài lãi vay) chờ	(468.713.778)	(468.713.778)	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Thăng Long	5.618.844.450	5.618.844.450	7.415.884.043	7.415.884.043
Ngân hàng TMCP Quân Đội MB - CN	50.420.464.500	50.420.464.500	143.620.206.241	143.620.206.241
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Sài Gòn	48.616.951.204	48.616.951.204	49.612.710.818	49.612.710.818
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	19.905.000.000	19.905.000.000	-	-
Dự nợ thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) - CN Hàn	6.243.224	6.243.224	1.574.042	1.574.042
Cộng	619.177.375.267	619.177.375.267	603.759.072.709	603.759.072.709

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	350.000.000.000	-	78.753.154.971	428.753.154.971
Tăng vốn	300.000.000.000	149.620.950.000	-	449.620.950.000
Lợi nhuận	-	-	44.110.368.788	44.110.368.788
Số dư cuối năm trước	650.000.000.000	149.620.950.000	122.863.523.759	922.484.473.759
Số dư đầu năm nay	650.000.000.000	149.620.950.000	122.863.523.759	922.484.473.759
Lợi nhuận	-	-	8.367.334.922	8.367.334.922
Số dư cuối kỳ	650.000.000.000	149.620.950.000	131.230.858.681	930.851.808.681

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/03/2026	01/01/2026
Công ty Cổ phần Siba Holdings	52,14%	338.928.570.000	338.928.570.000
Ông Trương Mạnh Linh	2,14%	13.928.570.000	13.928.570.000
Các cổ đông khác (tỉ lệ sở hữu dưới 5%)	45,72%	297.142.860.000	297.142.860.000
Cộng	100,00%	650.000.000.000	650.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/03/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu phát hành	65.000.000	65.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.000.000	65.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	65.000.000	65.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.000.000	65.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	65.000.000	65.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**a) Ngoại tệ các loại**

	31/03/2026	01/01/2026
Dollar Mỹ (USD)	116.352,76	149.553,94

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
Hệ thống Siêu thị TH Mart - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại TH	3.247.200	Công nợ không có khả năng thu hồi	3.247.200	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cái Gia	230.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	230.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Đại Thanh Hải	84.459.533	Công nợ không có khả năng thu hồi	84.459.533	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư Intimex Sài Gòn	90.166.400	Công nợ không có khả năng thu hồi	90.166.400	Công nợ không có khả năng thu hồi
Cộng	407.873.133		407.873.133	

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm	734.513.745.108	676.614.937.868
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.000.000	-
Cộng	734.549.745.108	676.614.937.868

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	9.010.689.411	1.008.442.456
Hàng bán bị trả lại	476.190.094	201.064.223
Cộng	9.486.879.505	1.209.506.679

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm	725.026.865.603	675.405.431.189
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	36.000.000	-
Cộng	725.062.865.603	675.405.431.189

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm, phụ phẩm đã bán	680.912.636.543	643.343.265.037
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.835.648	-
Cộng	680.930.472.191	643.343.265.037

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.257.689.681	1.838.559.867
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	164.414.808	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	158.680.916	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.508.935	-
Cộng	2.603.294.340	1.838.559.867

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	7.965.097.244	10.019.687.559
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	19.493.439	1.305.591
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	64.436.929	-
Chi phí tài chính khác	529.318.179	441.818.181
Cộng	8.578.345.791	10.462.811.331

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.556.089.614	5.694.152.221
Chi phí bao bì, dụng cụ, đồ dùng	1.586.821.188	183.084.592
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.292.623	91.356.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài:	9.169.850.550	2.726.999.021
- Chi phí vận chuyển	5.871.042.034	1.904.994.924
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.298.808.516	822.004.097
Chi phí bằng tiền khác	3.567.022.387	1.161.685.600
Cộng	19.996.076.362	9.857.278.042

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.003.723.167	3.984.919.347
Chi phí đồ dùng văn phòng	238.783.041	96.538.775
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.323.445.272	1.145.358.337
Thuế, phí, lệ phí	-	8.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	707.523.869	531.322.934
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.465.715.764	1.853.569.392
Cộng	7.739.191.113	7.619.708.785

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

9. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường vận chuyển	84.477.834	12.157.799
Xử lý công nợ	63.760	-
Tài sản thừa (tiền chênh lệch đầu cân)	6.777.625	5.610.000
Các khoản thu nhập khác	1.532.376	786.420
Cộng	92.851.595	18.554.219

10. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí xử lý nợ (xóa nợ)	-	90.166.400
Các khoản bị truy thu, phạt vi phạm hành chính về thuế	-	150.952.686
Các khoản chi phí khác	3.993.517	4.796.700
Cộng	3.993.517	245.915.786

11. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.510.932.564	5.733.566.294
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	203.993.517	150.952.686
- Các khoản điều chỉnh tăng	203.993.517	150.952.686
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	150.952.686
Chi phí không được trừ	203.993.517	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	10.714.926.081	5.884.518.980
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế	10.714.926.081	5.884.518.980
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế theo mức thuế suất 15%	2.142.973.651	-
Thu nhập tính thuế theo mức thuế suất 20%	8.571.952.430	5.884.518.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.035.836.534	1.176.903.796
Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	107.761.108	292.044.775
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	2.143.597.642	1.468.948.571

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

12. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam tại Long An	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Công ty có cùng Chủ tịch với công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng	Công ty con
Công ty TNHH Dầu gạo A An - Oryza	Công ty con
VIET AGRO PTE. LTD	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty là người đại diện theo pháp luật

Chi tiết giao dịch và số dư với các bên liên quan khác như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu/(phải trả)
1.	Công ty TNHH XNK Yến Đăng	Công ty con	Chi phí thuê gia công phải trả Thanh toán tiền thuê gia công	1.136.658.381 256.971.120	(879.687.261)
2.	Công ty TNHH Logistic BAF Việt Nam	Công ty mẹ là cổ đông lớn	Cho thuê xe Thu tiền cho thuê xe	38.880.000 38.880.000	-

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026

3. Thông tin so sánh

Do thay đổi chính sách kế toán áp dụng trong năm 2026 theo quy định tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính nên số dư đầu kỳ của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính Quý I/2026 của Công ty được trình bày lại, chi tiết như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số dư cuối năm 2025	Số dư đầu kỳ năm 2026 (trình bày lại)	Nguyên nhân
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	166.000.000.000	168.786.857.563	Điều chỉnh phân loại lại lãi dự thu các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn từ chỉ tiêu "Phải thu khác" sang chỉ tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn".
2	Phải thu ngắn hạn khác	136	22.822.326.474	20.035.468.911	

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kì kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2026 cho đến thời điểm lập báo cáo mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng Quý I và Lũy kế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Phê duyệt, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Đinh Thị Quỳnh Trang

Phạm Thị Trang

Trương Đức Nam

